

Bản án số: 330/2019/HSST

Ngày: 15/07/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Anh Thư

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phương

2. Ông Trần Quảng Thái

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Nam Thái - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố Th, tỉnh Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Th, tỉnh Th tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Chiến - Kiểm sát viên.

Ngày 15/07/2019, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 275/2019/HSST ngày 16/05/2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 06/10/1994.

- Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nam.

- Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Vĩnh Thanh, xã Vĩnh Ngọc, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1968; Con bà: Đinh Thị Ngoan, sinh năm 1976; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.; Có vợ: Đinh Thị Diễm, sinh năm 1998. Có 01 con, sinh năm 2017.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 48/QĐ-UBND ngày 10/4/2013, Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh trong thời hạn 24 tháng.

+ Tại Quyết định số 79/QĐ-XPHC ngày 22/5/2012, Công an huyện Đông Anh , thành phố Hà Nội xử phạt 750.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

+ Tại Bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo , thời gian thử thách 20 tháng về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Hiện bị cáo đang tại ngoại tại nơi cư trú (bị tạm giam từ ngày 17/3/2019 đến ngày 10/4/2019).(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Nguyễn Thành Tr, sinh ngày 16/02/1988.

- Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nam.

- Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Vĩnh Thanh , xã Vĩnh Ngọc , huyện Đông Anh , thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh.Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 11/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Nguyễn Văn Tiến , (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1965; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị Thu Thảo, sinh năm 1992. Có 03 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2018.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 215355 ngày 01/6/2009, Công an thị trấn Trâu Quỳ , huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”.

+ Tại Bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo , thời gian thử thách 20 tháng về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Hiện bị can đang tại ngoại tại nơi cư trú (bị can không bị tạm giữ , tạm giam). Có mặt tại phiên tòa

3. Họ và tên: Hoàng Thanh L, sinh ngày 25/5/1999.

- Tên gọi khác: Không.

Giới tính: Nữ.

- Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Xóm Vọ, Thôn Yên Nhân, xã Tiền Phong , huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12 Nghề nghiệp: Lao động tự do ; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông: Không xác định; Con bà: Nguyễn Thị Sang, sinh năm 1959; Gia đình có 02 chị em, bị can là con thứ hai.; Chồng, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị can đang tại ngoại tại nơi cư trú (bị can không bị tạm giữ , tạm giam). Có mặt tại phiên tòa

*** Người bị hại:**

1. Anh Nguyễn Đăng H ,sinh năm 1975 (Có mặt)
Trú tại: Xóm Khu Ất, phường Hợp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
2. Anh Nguyễn Văn C,sinh năm 1987 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ dân phố Đại Lợi, phường Tiến Châu, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
3. Anh Nguyễn Văn D,sinh năm 1987. (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ dân phố Đại Lợi, phường Tiến Châu, TP. Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc
4. Anh Nguyễn Văn B , sinh năm 1996(Vắng mặt)
Trú tại: Thôn Tr Lương, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm Chùa, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Th
6. Anh Nguyễn Hồng P, sinh năm 1994 (Vắng mặt)
Trú tại: SN 37, đường Huyền Quang, P. Ninh Xá, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
7. Anh Ngô Văn Th, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn Cẩm Trang, xã Mai Tr, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.
8. Anh Ngô Văn H, sinh năm 1989 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn Đình, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang
9. Anh Nguyễn Đ, sinh năm 1985 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm Giữa, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
10. Anh Diệp Văn T sinh năm 1988. (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm Cầu Mạnh, xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình, tỉnh Th.
11. Anh Nguyễn Duy T sinh năm 1974 (Vắng mặt)
Trú tại: Tổ 18, phường Tân Thịnh, thành phố Th
12. Anh Lâm Văn S, sinh năm 1975 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm Đông Đình, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Th
13. Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1996 (Vắng mặt)
Trú tại: Xóm Tr Thành, xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

14. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Vọng Đông, xã Yên Tr, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh

15. Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Tam Sơn, xã Tân Lãng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh

16. Anh Dương Văn T, sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn Diên Cầu, xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Th.

* **Người làm chứng:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Trú tại: Tổ 4, phường Đồng Quang, thành phố Th, tỉnh Th

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối tháng 7/2018, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn T đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của những người lao động có nhu cầu tìm kiếm việc làm. Do trước đây, T và Nguyễn Thành Tr đã cùng nhau lừa đảo chiếm đoạt tiền của những người lao động tại khu vực huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội và Hoàng Thanh Lũng biết hành vi phạm tội trên của T và Tr nên T đã rủ Tr và L lên Thái Nguyên làm việc, mục đích rủ Tr và L lên khu vực thành phố Thái Nguyên để cùng thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của người lao động như trước đây T và Tr đã làm, Tr và L hiểu ý T nên đồng ý. Để thực hiện ý định đó, T đăng các bài báo tuyển dụng lao động trên mạng Internet với nội dung: Công ty Vận tải và Dầu khí Miền Bắc cần tuyển các công việc bán xăng, phụ xe và lái xe với mức lương từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/ 01 tháng và hỗ trợ độc hại, nhà ở, chuyên cần, bảo hiểm sau thử việc, với số điện thoại liên hệ là: 0961.296.738 và 0981.124.791. Thực tế, Công ty Vận tải và Dầu khí Miền Bắc là không có thật, tên công ty, công việc, mức lương trên là do T tự nghĩ ra để những người lao động tin tưởng nhằm mục đích dễ dàng chiếm đoạt tiền của họ. Hai chiếc sim với số điện thoại trên là sim rác do T mua từ trước và lắp vào 02 chiếc điện thoại di động. T giữ lại 01 chiếc điện thoại và đưa cho Tr 01 chiếc để những người lao động liên hệ với T và Tr. Đến ngày 26/7/2018, T và Tr đến hỏi thuê tầng 01 của ngôi nhà số 12, phố Đặng Văn Ngữ thuộc tổ 14, phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên do chị Nguyễn Thị Tuyến (sinh năm 1972, trú tại: tổ 4, phường Đồng Quang, thành phố Thái Nguyên) là chủ sở hữu với giá 3.500.000 đồng/ 01 tháng, chị Tuyến đồng ý. T đã trả cho chị Tuyến 4.000.000 đồng và làm hợp đồng miệng với chị Tuyến, hẹn chị Tuyến đến ngày 05/8/2018 sẽ ký hợp đồng chính thức. T nói với chị Tuyến thuê nhà để làm văn phòng giao dịch môi giới việc làm. Đến khoảng chiều tối ngày 26/7/2018, T, Tr dọn dẹp tầng 01 của ngôi nhà vừa thuê được của chị Tuyến và mang 03

chiếc bàn, 06 chiếc ghế, 03 quyển phiếu thu tiền, 01 dấu “Đã thu tiền” và băng rôn với nội dung: “Công ty Vận tải và Dầu khí Miền Bắc thi đua lập thành tích kỷ niệm 15 năm thành lập” đến địa điểm trên. T tiếp nhận hồ sơ và tư vấn xin việc, sau đó T, Tr và Lc có nhiệm vụ thu tiền và viết phiếu thu cho người đến xin việc. T giữ 01 quyển “Phiếu thu tiền” và đưa cho Tr, Lc mỗi người 01 quyển để viết phiếu thu. Việc thu tiền chia ra làm 02 lần: Lần 01 để xét duyệt hồ sơ, may đồng phục và làm thẻ ATM với số tiền 1.000.000 đồng. Sau đó từ 01 đến 02 ngày, T và Tr gọi điện cho người lao động thông báo trúng tuyển và tiếp tục thu tiền đặt cọc đi làm với số tiền từ khoảng 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng/ 01 người nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của những người đi xin việc. Khi viết phiếu thu tiền, để tránh bị phát hiện hành vi phạm tội, T tự dùng tên giả là Hoàng Xuân Phúc hoặc Hoàng Xuân Đức, Tr dùng tên giả là Nguyễn Văn Nam, Lc dùng tên giả là Nguyễn Thu Trang để ký và ghi họ tên vào phiếu thu. Sau khi thu tiền và viết phiếu thu xong, T và Tr hẹn những người lao động từ ngày 05/8/2018 đến nhận công việc. Nhưng đến ngày 03/8/2018, T, Tr, Lc đã bỏ trốn về Hà Nội. Để tránh bị phát hiện hành vi phạm tội, T đã rút bỏ đi toàn bộ số hồ sơ xin việc của người lao động, 02 quyển “Phiếu thu tiền”, 01 dấu “Đã thu tiền”, 01 chiếc sim rác, 01 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc băng rôn; Tr đã rút bỏ đi 01 chiếc sim rác, 01 chiếc điện thoại di động mà T đưa cho Tr từ trước. Còn lại, số bàn ghế và 01 quyển “Phiếu thu tiền” đã dùng 01 nửa, các đối tượng để lại hiện trường. Với thủ đoạn như nêu trên, trong khoảng thời gian từ ngày 27/7/2018 đến ngày 03/8/2018, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Tr và Hoàng Thanh Lc đã chiếm đoạt được của 16 người lao động từ 1.000.000 đồng đến 4.200.000 đồng/ 01 người với tổng số tiền là: 39.000.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Anh Nguyễn Đăng H (sinh năm 1975, trú tại: xóm Khu Ất, phường Hợp Lĩnh, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) với số tiền là 3.300.000 đồng.
2. Anh Nguyễn Văn C (sinh năm 1987, trú tại: tổ dân phố Đại Lợi, phường Tiên Châu, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) với số tiền là 3.500.000 đồng.
3. Anh Nguyễn Văn D (sinh năm 1987, trú tại: tổ dân phố Đại Lợi, phường Tiên Châu, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc) với số tiền là 3.500.000 đồng.
4. Anh Nguyễn Văn B (sinh năm 1996, trú tại: thôn Tr Lương, xã Cao Xá, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang) với số tiền là 3.500.000 đồng.
5. Anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1978, trú tại: xóm Chùa, xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Th) với số tiền là 3.500.000 đồng.
6. Anh Nguyễn Hồng P (sinh năm 1994, trú tại: số nhà 37, đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh) với số tiền là 1.000.000 đồng.

7. Anh Ngô Văn Thg (sinh năm 1986, trú tại: thôn Cẩm Trang, xã Mai Tr, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang) với số tiền là : 4.200.000 đồng.

8. Anh Ngô Văn H (sinh năm 1989, trú tại: thôn Đình, xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang) với số tiền là : 1.000.000 đồng.

9. Anh Nguyễn Đ (inh năm 1985, trú tại: xóm Giữa, xã Mộ Đạo, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh) với số tiền là 1.000.000 đồng.

10. Anh Diệp Văn T (sinh năm 1988, trú tại: xóm Cầu Mạnh, xã Bàn Đạt, huyện Phú Bình, tỉnh Th) với số tiền là 1.000.000 đồng.

11. Anh Nguyễn Duy T (sinh năm 1974, trú tại: tổ 18, phường Tân Thịnh, thành phố Th) với số tiền là 1.000.000 đồng.

12. Anh Lâm Văn S (sinh năm 1975, trú tại: xóm Đông Đình, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Th) với số tiền là 1.000.000 đồng.

13. Anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1996, trú tại: xóm Tr Thành, xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An) với số tiền là 3.500.000 đồng.

14. Anh Nguyễn Văn T (sinh năm 1984, trú tại: thôn Vọng Đông, xã Yên Tr, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh) với số tiền là 1.000.000 đồng.

15. Anh Nguyễn Xuân T (sinh năm 1978, trú tại: thôn Tam Sơn, xã Tân Lãng, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh) với số tiền là 3.500.000 đồng.

16. Anh Dương Văn Tr (sinh năm 1984, trú tại: thôn Diễn Cầu, xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Th) với số tiền là 3.500.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt được , sau khi trừ đi các chi phí , T chia cho L4.000.000 đồng, chia cho Tr 14.000.000 đồng, số tiền còn lại là của T. Các đối tượng đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên.

Sau khi phát hiện bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản , 16 người bị hại nêu trên đã làm đơn trình báo Công an phường Phan Đình Phùng , thành phố Thái Ngu yên đề nghị giải quyết (BL 44, 50, 57, 63, 69, 73, 76, 80, 86, 91, 97, 103, 108, 114, 119, 123).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Tr, Hoàng Thanh Lkhai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của T, Tr, Lphù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại , biên bản xác định hiện trường , biên bản khám nghiệm hiện trường , biên bản sự việc , biên bản nhận dạng cùng các tài liệu , chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Về phần dân sự: Những người bị hại là các anh Nguyễn Đăng Hiệp, Nguyễn Văn Cẩng, Nguyễn Văn Duẩn, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Hồng Phi, Ngô Văn Thắng, Ngô Văn Hoan, Nguyễn Đông, Diệp Văn Tám, Nguyễn Duy Tâm,

Lâm Văn Sơn, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Tứ, Nguyễn Xuân Thịnh, Dương Văn Trường yêu cầu T, Tr, Lphải bồi thường số tiền các đối tượng đã chiếm đoạt . Quá trình điều tra T, Tr, Lchưa bồi thường khoản nào.

Vật chứng của vụ án là:

- 16 bộ hồ sơ xin việc, 02 quyển “Phiếu thu tiền”, 01 dấu “Đã thu tiền”, 02 chiếc sim rác, 02 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc băng rôn. Hiện không thu hồi được.

- 03 chiếc bàn, 06 chiếc ghế. Chị Nguyễn Thị Tuyến khai sau khi các đối tượng bỏ đi, chị đã cho 01 người không quen biết. Hiện không thu hồi được.

- 01 quyển “Phiếu thu tiền”, đã dùng 01 nửa. Cơ quan điều tra thu giữ được tại hiện trường. Được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 265/CT-VKSTPTN ngày 08/05/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Th đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Tr, Hoàng Thanh L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Th giữ quyền công tố đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố các bị cáo phạm tội: Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Tr, Hoàng Thanh L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

- Áp dụng khoản 1, Điều 174; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù giam. Áp dụng Điều 56 BLHS, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt 10 tháng tù của bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Áp dụng khoản 1, Điều 174; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành Tr từ 06 đến 09 tháng tù giam. Áp dụng Điều 56 BLHS, buộc bị cáo Nguyễn Thành Tr phải chấp hành hình phạt 10 tháng tù của bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án. Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Áp dụng : Khoản 1, Điều 174; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51,; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65, Điều 17, Điều 58 BLHS xử phạt bị cáo Hoàng Thanh L từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt được. Quá trình truy tố, xét xử và tại phiên tòa

bị cáo T đã tự nguyện khắc phục bồi thường một phần số tiền là 7.000.000 đồng; bị cáo Tr tự nguyện khắc phục bồi thường một phần số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo L tự nguyện bồi thường số tiền 4.000.000 đồng trả lại cho 16 người bị hại. Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo T tại phiên tòa tự nguyện bồi thường cho bị hại Nguyễn Đăng Hiệp số tiền 3.300.000 đồng. Bị cáo T, Tr tiếp tục trả cho các bị hại số tiền còn lại chưa bồi thường xong.

- Về xử lý vật chứng: - 16 bộ hồ sơ xin việc , 02 quyển “Phiếu thu tiền” , 01 dấu “Đã thu tiền” , 02 chiếc sim rác , 02 chiếc điện thoại di động , 01 chiếc băng rôn . Hiện không thu hồi được.

- 03 chiếc bàn, 06 chiếc ghế. Chị Nguyễn Thị Tuyên khai sau khi các đối tượng bỏ đi, chị đã cho 01 người không quen biết. Hiện không thu hồi được.

- 01 quyển “Phiếu thu tiền” , đã dùng 01 nửa. Cơ quan điều tra thu giữ được tại hiện trường. Được lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Áp dụng điều 136 BLTTHS; Điều 23, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo phải nộp 200.000đ án phí HSST vào ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận và thừa nhận việc truy tố là đúng tội, không oan, xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm được trở về cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Th, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] . Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Tr, Hoàng Thanh L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn khách quan, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận: Do cần tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo T đã rủ bị

cáo Tr, L thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng hình thức đưa ra thông tin gian dối tuyển dụng lao động việc làm tại Công ty Vận tải và Dầu khí Miền bắc thực chất là không có thật do T tự nghĩ ra, tạo niềm tin để chiếm đoạt tiền phí và tiền đặt cọc của những người có nhu cầu tìm kiếm việc làm. Trong khoảng thời gian từ ngày 27/7/2018 đến 03/8/2018 tại khu vực tổ 14, phường Phan Đình Phùng T, Tr, L đã chiếm đoạt tài sản của 16 người bị hại với tổng số tiền là 39.000.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt xong tài sản các bị cáo có hành vi bỏ trốn. T chia cho Tr 14.000.000 đồng, chia cho L 4.000.000 đồng, số tiền còn lại T cầm, các bị cáo đã tiêu xài hết toàn bộ số tiền trên. Sau khi phát hiện bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản 16 người bị hại là đơn trình báo công an. Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nêu trên.

Các bị cáo T, Tr, L phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, dùng thủ đoạn gian dối là thành lập công ty giả tuyển dụng việc làm để người xin việc tin tưởng đến đăng ký, nộp hồ sơ và nộp tiền, sử dụng số tiền chiếm đoạt được nhằm mục đích tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS.

[3]. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Th truy tố các bị cáo về tội danh và hình phạt viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 174 BLHS quy định như sau:

“ 1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm ”.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương và làm mất lòng tin giữa con người với nhau trong xã hội nên hành vi này phải xét xử bằng pháp luật hình sự và có mức hình phạt tương xứng để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] . Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu, năm 2012 bị Công an huyện Đông anh xử phạt 750.000 đồng về hành vi “ Đánh bạc” ; Năm 2013 bị đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc với thời gian 24 tháng do nghiện ma túy; Tại bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng về tội” Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hành vi phạm tội lần này của bị cáo xảy ra trước khi có bản án trên cũng cùng một loại tội. Tính đến thời điểm phạm tội này bị cáo được xác định là chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, bị cáo tự nguyện bồi thường

khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là” phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đối với bị cáo Nguyễn Thành Tr có nhân thân xấu, năm 2009 bị Công an Thị trấn Châu Quỳ xử phạt 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; Tại bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, Hà Nội xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 tháng về tội” Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, hành vi phạm tội lần này của bị cáo xảy ra trước khi có bản án trên cũng cùng một loại tội. Tính đến thời điểm phạm tội này bị cáo được xác định là chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa khai báo thành khẩn, bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 BLHS.

Đối với Bị cáo Hoàng Thanh Lchura có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là” phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g, khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5]. Xét vai trò trong vụ án này: Các bị cáo T, Tr, Lcùng nhau thực hiện phạm tội, cùng tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Văn T tham gia đồng phạm với vai trò là người khởi xướng, chủ mưu và trực tiếp thực hiện việc phạm tội, T là người trực tiếp đăng thông tin tuyển dụng việc làm lên mạng xã hội và đăng lên các trang tìm kiếm việc làm, tự nghĩ ra tên Công ty giả tuyển dụng việc làm, đưa các thông tin giả và cung cấp số điện thoại bằng sim rác T đã mua lên mạng để mọi người đọc rồi liên hệ với T theo các số sim rác trên. Trực tiếp chuẩn bị thuê địa điểm, trang trí văn phòng bàn ghế, băng rôn, phiếu thu để thực hiện hành vi lừa đảo, sau đó mới rủ bị cáo Tr và Lcùng thực hiện hành vi lừa đảo. Bị cáo Nguyễn Thành Tr tham gia đồng phạm với vai trò là người giúp sức, tạo điều kiện tinh thần và cùng thực hiện việc phạm tội. Bị cáo Hoàng Thanh Ltham gia với vai trò giúp sức, tạo điều kiện về tinh thần và cùng thực hiện việc phạm tội. Xét tính chất mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo T là người khởi xướng và chủ mưu việc thực hiện tội phạm, bị cáo Tr, Llà người giúp sức. Mặc dù không có việc các bị cáo cùng nhau bàn bạc, lập kế hoạch chi tiết và câu kết chặt chẽ với nhau về việc chuẩn bị các công cụ, phương tiện vào việc thực hiện tội phạm, nhưng các

bị cáo ý thức rõ hành vi của mình và cùng trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, vì vậy hội đồng xét xử xem xét để có mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo.

[6]. Về hình phạt: Các bị cáo là thanh niên tuổi đời còn trẻ nhưng lười lao động, không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, dùng thủ đoạn gian dối để nhằm chiếm đoạt tài sản, mặt khác hành vi của các bị cáo còn suy thoái đạo đức xã hội nên cần có mức hình phạt tương xứng để cải tạo giáo dục các bị cáo thành người lương thiện.

Đối với bị cáo T, bị cáo Tr trong thời gian phạm tội đang chấp hành bản án số Bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018, Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xử phạt 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 20 tháng về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Hành vi của bị cáo T, Tr bị truy tố lần này lại tiếp tục phạm tội với cùng một loại tội trước đó. Tại khoản 5 Điều 65 BLHS quy định: “...*Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 bộ luật này*”. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng để phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T, Tr có thái độ khai báo thành khẩn, tự nguyện bồi thường một phần trách nhiệm dân sự cho người bị hại nên xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

Đối với Hoàng Thanh Lchura có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo đã tự nguyện bồi thường trách nhiệm dân sự cho người bị hại, có đơn xin cải tạo tại địa phương nên hội đồng xét xử thấy không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền do hành vi chiếm đoạt tài sản để sử dụng cho bản thân, tuy nhiên hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo T, Lđều không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập gì, không có tài sản gì riêng, vẫn còn sống chung phụ thuộc vào gia đình. Bị cáo Tr không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nuôi con 03 nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt được của 16 người là 39.000.000 đồng, 16 bị hại đều yêu cầu các bị cáo phải trả lại số tiền chiếm đoạt, nên buộc các bị cáo phải bồi thường cho 16 bị hại tổng số tiền 39.000.000 đồng. Đối với số tiền các bị cáo đã chiếm đoạt được, T chia cho Tr 14.000.000 đồng, chia cho L4.000.000 đồng, còn lại 21.000.000 đồng bị cáo đã chi phí

và tiêu xài cá nhân hết, bị cáo T đã tự nguyện bồi thường được 7.500.000 đồng, còn lại 13.500.000 đồng bị cáo chưa bồi thường xong. Bị cáo Tr được T chia số tiền chiếm đoạt là 14.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết, bị cáo đã tự nguyện bồi thường được 7.500.000 đồng, còn lại 6.500.000 đồng bị cáo chưa bồi thường xong. Bị cáo L được chia số tiền chiếm đoạt tài sản của 16 người bị hại 4.000.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 4.000.000 đồng. Tổng các bị cáo đã tự nguyện bồi thường là 19.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo T tự nguyện bồi thường hết cho bị hại anh Nguyễn Đăng Hiệp số tiền chiếm đoạt 3.300.000 đồng, anh Hiệp đã nhận khoản tiền trên và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. HĐXX ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo T tại phiên tòa. Số tiền còn lại 16.700.000 đồng bị cáo T và Tr chưa bồi thường xong. Cần buộc bị cáo T phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho các bị hại số tiền 10.200.000 đồng, buộc bị cáo Tr phải có trách nhiệm bồi thường tiếp cho các bị hại số tiền 6.500.000 đồng tương ứng với số tiền các bị cáo được chia và tiêu xài cho bản thân.

[8]. Về xử lý vật chứng: Do các vật chứng là 16 bộ hồ sơ xin việc, 02 quyển “Phiếu thu tiền”, 01 dấu “Đã thu tiền”, 02 chiếc sim rác, 02 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc băng rôn, 03 chiếc bàn, 06 chiếc ghế. Chị Nguyễn Thị Tuyền khai sau khi các đối tượng bỏ đi, chị đã cho 01 người không quen biết. Hiện không thu hồi được đối với các vật chứng trên nên không xem xét. 01 quyển “Phiếu thu tiền”, đã dùng 01 nửa. Cơ quan điều tra thu giữ được tại hiện trường. Được lưu giữ trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ.

[9]. Về các vấn đề khác: Đối với chị Nguyễn Thị Tuyền là người cho Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Tr thuê nhà. Tuy nhiên, chị Tuyền không biết các bị cáo sử dụng làm địa điểm phạm tội nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với chị Tuyền.

Trong vụ án này, ngoài các bị hại như nêu trên, các bị cáo khai nhận các bị cáo còn có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 2.650.000 đồng của anh Phạm Công Hải. Anh Hải đã có đơn trình báo Công an phường Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên đề nghị giải quyết. Tuy nhiên, quá trình điều tra xác định anh Hải không có mặt tại địa phương nên Cơ quan điều tra chưa lấy được lời khai cũng như làm rõ yêu cầu bồi thường của anh Hải. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, làm rõ, xử lý sau.

[10]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật; Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thành Tr, Hoàng Thanh L phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1.1.Căn cứ vào: Khoản 1, Điều 174; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T **12** (Mười hai)tháng tù giam.

- Căn cứ : Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt **10** (mười) tháng tù của bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

- Căn cứ: Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: **22** (Hai mươi hai)tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/03/2018 đến ngày 16/03/2018 (theo bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội) và thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/03/2019 đến ngày 10/4/2019 của bản án này. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

1.2. Căn cứ vào: Khoản 1, Điều 174; điểm b, s, khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt : Bị cáo Nguyễn Thành Tr **10** (Mười)tháng tù giam.

- Căn cứ: Khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo Nguyễn Thành Tr phải chấp hành hình phạt **10** (mười) tháng tù của bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội;

- Căn cứ: Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là: **20** (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/03/2018 đến ngày 16/03/2018 (theo bản án số 155/2018/HSST ngày 31/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội). Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

1.3. Căn cứ vào: Khoản 1, Điều 174; Điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Hoàng Thanh L**12** (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách **24** tháng , kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo

Giao bị cáo cho UBND xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự ; khoản 2, Điều 357, 468, 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật dân sự 2015:

- Công nhận sự tự nguyện bồi thường Nguyễn Văn T là 7.500.000 đồng, Nguyễn Thành Tr là 7.500.000 đồng, Hoàng Thanh L là 4.000.000 đồng, Bị cáo T đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 0001618 ngày 09/07/2019, bị cáo Tr đã nộp 7.500.000 đồng theo biên lai thu số 0001619 ngày 09/07/2019; bị cáo L đã nộp 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001606 ngày 05/06/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Th để khắc phục hậu quả.

- Công nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên tòa đối với bị hại anh Nguyễn Đăng Hiệp số tiền 3.300.000 đồng. Anh Hiệp đã nhận xong khoản tiền trên không có ý kiến đề nghị gì.

- Buộc bị cáo T còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 10.200.000 đồng, bị cáo Tr còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 6.500.000, tổng cộng là 16.700.000 đồng cho 15 người bị hại: Nguyễn Văn Càng, Nguyễn Văn Duẩn, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Văn Thịnh, Nguyễn Hồng Phi, Ngô Văn Thắng, Ngô Văn Hoan, Nguyễn Đông, Diệp Văn Tám, Nguyễn Duy Tâm, Lâm Văn Sơn, Nguyễn Văn Thành, Nguyễn Văn Tứ, Nguyễn Xuân Thịnh, Dương Văn Trường.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Không xem xét.

4. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 510.000 đồng (năm trăm mười nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo Nguyễn Thành Tr phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 325.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước. Buộc bị cáo Hoàng Thanh L phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Các bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận

- VKS tỉnh TN;
- VKS TPTN;
- THA TP TN;
- Công an TP TN;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo, người bị hại;
- Lưu, lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Anh Thư

**Thành viên hội đồng xét xử
Thẩm phán – Chủ tọa phiên
tòa**

Nguyễn Anh Thư

TAND TP. TH
TỈNH TH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Th, ngày 17 tháng 01 năm 2018

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi..... giờ.....ngày 17 tháng 01 năm 2018

Tại: Phòng nghị án – Tòa án nhân dân thành phố Th

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Trọng Tú

2. Bà Hà Thị Hồng Phúc

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 465/2017/TLST - HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **Đỗ Trọng Kỷ;** Sinh ngày: 15/10/1994;

Tên gọi khác: Đỗ Văn Đoàn

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn Vạc, xã Tân Thịnh, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

2. **Đặng Đình Hoàng,** sinh ngày 25/9/1989

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu 2, Thị trấn Kép, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

Căn cứ các Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh: Bị cáo Đỗ Trọng Kỳ và bị cáo Đặng Đình Hoàng phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt :

- **Căn cứ vào:** điểm a, khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Xử phạt: Đỗ Trọng Kỳ: **08** (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/08/2017.

Áp dụng Điều 239 BLTTHS năm 2015 Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

- **Căn cứ vào:** điểm a, khoản 3 Điều 139 BLHS năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS 2015. Xử phạt: Đặng Đình Hoàng: **08** (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 22/08/2017.

Áp dụng Điều 239 BLTTHS năm 2015 Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Kết quả biểu quyết 3/3.

4. Về các vấn đề khác:

* *Về trách nhiệm dân sự:* Không xem xét, giải quyết.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 ví giả da màu đen, 01 túi vải màu xanh nâu, 01 mũ lưỡi trai màu trắng.

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Trọng Kỳ: 01 chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 – B2, 01 giấy chứng nhận tập huấn lái xe Taxi, 01 thẻ lái xe đều mang tên Đỗ Trọng Kỳ.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động Nokia vỏ màu xanh đen đã qua sử dụng;

- Tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung vỏ màu xanh, màn hình bị vỡ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO vỏ màu trắng –vàng đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu MASSTER vỏ màu đen thu giữ của các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Toàn bộ vật chứng vụ án theo biên bản giao vật chứng số 70 ngày 07 tháng 12 năm 2017 giữa CQĐT Công an TPTN với Chi cục THADS thành phố Th;).

* *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy định về án

phí, lệ phí toà án: Buộc bị cáo Đỗ Trọng Kỳ phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), buộc bị cáo Đỗ Đình Hoàng phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

** Về quyền kháng cáo:* Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại, Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Kết quả biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ..... phút, ngày 17 tháng 01 năm 2018

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Anh Thư